

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO GIỮA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT VÀ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
Email: ngocphuongltt63@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết trình bày thực trạng quản lý hoạt động liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Trong bài, tác giả phân tích thực trạng liên kết đào tạo và thực trạng quản lý hoạt động liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Theo tác giả, việc đánh giá thực trạng này có ý nghĩa hết sức cần thiết vì nó giúp các nhà quản lý tìm ra nguyên nhân của những thành công, hạn chế và sai sót, từ đó có cơ sở thực tiễn để xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động liên kết đào tạo giữa các trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp. Thực trạng quản lý hoạt động liên kết đào tạo giữa các trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp hiện nay cho thấy cần phải đồng thời giải quyết bài toán vừa đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, vừa đảm bảo lợi ích cho cả nhà trường và doanh nghiệp.

Từ khóa: Quản lý; liên kết đào tạo; trường cao đẳng kỹ thuật; doanh nghiệp; TP. Hồ Chí Minh.

(Nhận bài ngày 03/9/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 17/10/2016; Duyệt đăng ngày 27/10/2016).

1. Đặt vấn đề

Quản lý hoạt động liên kết đào tạo (LKĐT) giữa các trường cao đẳng kỹ thuật (CĐKT) và doanh nghiệp (DN) là một hoạt động để thực hiện xã hội hóa trong đào tạo nguồn nhân lực. Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XI, lần thứ XII đã chỉ rõ: Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề; thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các DN, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội; nhà nước tăng đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn bộ xã hội chăm lo phát triển giáo dục. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày thực trạng hoạt động LKĐT và quản lý hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Việc đánh giá thực trạng này có ý nghĩa cần thiết vì nó đem lại cho chủ thể quản lý (hiệu trưởng và các cán bộ quản lý) một “bức tranh tổng thể” về hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN, từ đó tìm ra nguyên nhân của những thành công, hạn chế và sai sót. Đây chính là cơ sở thực tiễn để xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN.

2. Thực trạng hoạt động liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp (khảo sát trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)

Để đánh giá thực trạng hoạt động liên kết đào tạo giữa trường CĐKT và DN, chúng tôi đã tiến hành khảo sát tại 63 DN (gồm 203 phiếu khảo sát) trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh về các nội dung liên kết đào tạo: 1/Tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; 2/Tham gia tổ chức, hỗ trợ thực hiện quá trình đào tạo, thực tập

tại DN; 3/ Tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên dạy thực hành; 4/Tham gia hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính phục vụ đào tạo, tài trợ học bổng; 5/Tham gia trao đổi thông tin giữa trường CĐKT và DN; 6/Tham gia công tác tuyển sinh và giới thiệu, giải quyết việc làm sau tốt nghiệp.

2.1. Số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động liên kết

Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng DN tham gia các nội dung LKĐT có sự khác nhau, trong đó: Liên kết xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo: 37/63 DN thực hiện (58.73%); Liên kết phối hợp đào tạo thực hành, thực tập tại DN: 21/63 DN thực hiện (33.30%); Liên kết phối hợp bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBQL, giảng viên dạy thực hành giữa trường CĐKT và DN: 8/63 DN thực hiện (12.70%); Liên kết cấp học bổng, hỗ trợ thiết bị cho trường CĐKT: 59/63 DN thực hiện (93.60%); Liên kết trao đổi thông tin giữa trường CĐKT và DN: 15/63 DN thực hiện (23.80%); Liên kết tuyển sinh và giải quyết việc làm: 21/63 DN thực hiện (33%).

2.2. Mức độ thực hiện hoạt động liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN theo những nội dung liên kết được ghi nhận và nhận xét như sau:

+ Về liên kết trao đổi thông tin giữa trường CĐKT và DN:

Trao đổi thông tin về năng lực đào tạo, khả năng cung ứng lao động kỹ thuật của các trường CĐKT và nhu cầu tuyển dụng nhân lực của các DN:

Có đến 41.27% DN cho rằng chưa thực hiện việc trao đổi thông tin cho các trường CĐKT về năng lực



chuyên môn, phẩm chất của đội ngũ lao động, là sản phẩm được đào tạo từ các trường CĐKT hiện đang làm việc tại DN;

Có đến 66.67% DN chưa bao giờ tham gia tổ chức hội nghị việc làm. Ngược lại, các trường CĐKT lại rất quan tâm, có đến 88.68% giảng viên được hỏi trả lời là thường xuyên tham dự các hội nghị việc làm để tìm hiểu nhu cầu nhân lực kĩ thuật của DN xã hội.

Kết quả khảo sát trên cho thấy đa số DN hiện nay chưa quan tâm nhiều đến việc trao đổi thông tin nhu cầu nhân lực của mình cho các trường CĐKT nhằm tìm nguồn cung ứng lao động phù hợp. Trong đó, các trường rất quan tâm đến những thông tin có liên quan về số lượng và chất lượng nhu cầu cung ứng nhân lực.

+ Về liên kết tuyển sinh và giải quyết việc làm như sau:

Kí hợp đồng cùng tuyển sinh để đào tạo lao động, cung ứng cho DN. Kết quả khảo sát có 7.93% DN thường xuyên và 25.40% DN đôi khi cùng trường CĐKT tuyển sinh, trong khi đó có đến 66.67% DN chưa bao giờ phối hợp tuyển sinh. Về việc tiếp nhận sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp đến làm việc tại DN, có đến 48.91% cho là thường xuyên và 18.48% cho là đôi khi.

Qua khảo sát cho thấy, tuy DN không quan tâm đến việc cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng nhân lực của mình cho trường CĐKT và chưa có nhiều DN tích cực cùng trường CĐKT tuyển sinh để đào tạo, nhưng khi cần thì đa số DN vẫn tin tưởng nhận lao động từ trường CĐKT những SV đã được đào tạo và tốt nghiệp.

+ Về liên kết xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo:

Kết quả khảo sát việc huy động các chuyên gia của DN tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo:

Có đến 68.25% DN cho rằng chưa bao giờ tham dự các Hội thảo khoa học về việc xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; Có đến 87.27% DN chưa quan tâm đến

việc liên kết cùng nhà trường xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của DN. Trong khi đó, có trên 75.75% các trường CĐKT đã thường xuyên tổ chức tiếp cận, thu nhận thông tin từ các DN về những đề xuất, kiến nghị để có cơ sở thực tế để điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu của DN và xã hội.

+ Về liên kết phối hợp đào tạo thực hành tại DN

Kết quả khảo sát về liên kết phối hợp đào tạo thực hành, thực tập tại DN:

Tạo điều kiện cho SV thực tập tại DN: Thường xuyên tạo điều kiện 66.66%; đôi khi 26.98%; chưa bao giờ 6.36%. Hoạt động LKĐT dạy thực hành tại DN chỉ có 9.87% thường xuyên và 16.30% DN đôi khi thực hiện.

Thực tế, trong thời gian qua hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN về việc phối hợp tổ chức đào tạo thực hành, thực tập tại DN còn rất hạn chế. Sự liên kết này chỉ được thực hiện dựa trên quan hệ cá nhân giữa lãnh đạo của hai đơn vị. Trong quá trình thực hiện liên kết, DN thường chỉ tạo điều kiện cho SV thực hành ở những công đoạn ít tiếp cận với máy móc, thiết bị hiện đại hoặc đắt tiền. Vì thế, quá trình đào tạo khó đạt được mục tiêu đã đề ra trong chương trình với chất lượng cao.

+ Về liên kết hỗ trợ đội ngũ GVĐTH, nâng bậc thợ cho công nhân kĩ thuật của DN:

Có đến 66.30% DN được khảo sát cho là chưa bao giờ thực hiện hợp đồng về nội dung này; Chỉ có 10.87% DN ủng hộ các trường CĐKT tổ chức cho CBQL, giảng viên và SV tham quan thực tế để tìm hiểu về công nghệ và biện pháp tổ chức quá trình sản xuất đang áp dụng tại DN. Trong khi đó có trên 78% CBQL, giảng viên cho rằng cần phải thường xuyên thực hiện nội dung này.

+ Về liên kết cấp học bổng cho SV, hỗ trợ thiết bị cho trường CĐKT:

Về hình thức cấp học bổng cho SV, chỉ có 9.78% DN được khảo sát trả lời là có thực hiện nhưng không thường xuyên; Về nội dung các DN hỗ trợ cơ sở vật chất,

Bảng 1: Kết quả khảo sát thực trạng mức độ thực hiện hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN

STT	Nội dung liên kết	Mức độ thực hiện (tại 63DN)							
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên		Không thực hiện	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo	0	0	3	4.80	34	53.97	26	41.27
2	Tham gia tổ chức, hỗ trợ thực hiện quá trình đào tạo, thực tập tại DN	0	0	5	7.93	16	25.40	42	66.67
3	Tham gia bồi dưỡng, đội ngũ CBQL, GVĐTH	0	0	3	4.80	5	7.93	55	87.27
4	Tham gia hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính phục vụ đào tạo, tài trợ học bổng.	0	0	42	66,66	17	26.98	4	6.36
5	Tham gia trao đổi thông tin	0	0	5	7.93	10	15.87	48	76.20
6	Tham gia công tác tuyển sinh và giới thiệu, bố trí việc làm sau tốt nghiệp	0	0	6	9.52	19	30.16	38	60.32

máy móc thiết bị cho trường CĐKT có kết quả khảo sát như sau: thường xuyên hỗ trợ 9.52%, đôi khi hỗ trợ 22%, chưa bao giờ hỗ trợ 60.32%.

Kết quả khảo sát cho thấy, chưa có nhiều DN quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường CĐKT để phục vụ đào tạo nguồn nhân lực kĩ thuật cho xã hội. Những thiết bị, máy móc được hỗ trợ thông thường đã quá cũ kĩ, lạc hậu. Ngoài ra, các DN cũng chỉ thực hiện việc cấp học bổng cho SV trong thời gian ngắn, số lượng ít.

Tóm lại, việc thực hiện LKĐT giữa trường CĐKT và DN tại TP. Hồ Chí Minh trong thời gian qua mang tính tự phát, không theo một ràng buộc pháp lí nào, đồng thời chưa được cơ quan quản lí nhà nước quản lí, kiểm tra, giám sát một cách chặt chẽ. Do đó, hiệu quả hoạt động của liên kết chưa cao, thiếu tính bền vững và chưa được áp dụng rộng rãi.

3. Thực trạng quản lí hoạt động liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng kĩ thuật và doanh nghiệp (khảo sát trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)

Căn cứ vào nội dung quản lí hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN và tham khảo ý kiến của CBQL, giảng viên dạy thực hành các trường cán bộ kĩ thuật (CBKT) và CBQL, CBKT các DN, chúng tôi đánh giá thực trạng quản lí hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN như

sau (Bảng 2):

Qua kết quả khảo sát, có thể nói việc quản lí LKĐT giữa nhà trường và DN ở TP. Hồ Chí Minh đã có một số kết quả khả quan. Tuy nhiên, những kết quả đó chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của các trường CĐKT trên địa bàn thành phố, chưa phát huy được đặc trưng của nhà trường trong vai trò tư vấn, cung cấp nguồn nhân lực cho DN và sử dụng đội ngũ CBKT có trình độ của DN tham gia quá trình đào tạo (Bảng 3).

Dựa vào số liệu Bảng 3, chúng tôi lập biểu đồ về thực trạng quản lí hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN như Biểu đồ 1.

Những hạn chế về chất lượng, hiệu quả của quá trình kết hợp đó có nguyên nhân từ công tác quản lí. Qua khảo sát và trao đổi trực tiếp với đối tượng khảo sát, chúng tôi thấy rằng, thực trạng công tác quản lí hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN ở TP. Hồ Chí Minh còn có những bất cập và hướng khắc phục như sau:

a) Sự cần thiết phải LKĐT giữa trường CĐKT và DN

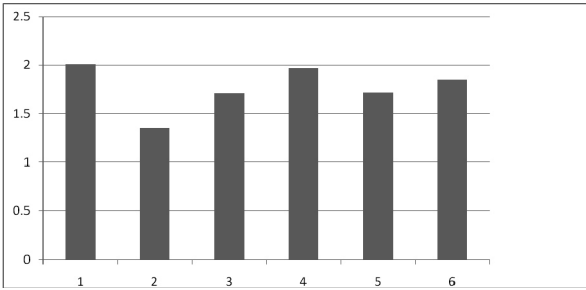
Công tác quản lí việc nâng cao nhận thức cho CBQL, giảng viên dạy thực hành, các thành viên tham gia hoạt động LKĐT về vai trò, tác dụng của hoạt động liên kết trong ĐTN còn mang tính chất hình thức, chiều

Bảng 2: Kết quả khảo sát thực trạng mức độ thực hiện quản lí hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN

Nội dung quản lí liên kết	Mức độ thực hiện (tại 63 DN)							
	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên		Không thực hiện	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1. Thực trạng nhận thức sự cần thiết phải LKĐT với DN	0	0	15	23.8	34	53.9	14	22.3
2. Thực trạng xây dựng kế hoạch LKĐT	0	0	22	34.9	35	55.5	6	9.6
3. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động LKĐT	0	0	25	39.6	35	55.5	3	4.9
4. Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch LKĐT	0	0	32	50.7	24	38.1	7	11.2
5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch LKĐT	0	0	12	19.1	30	47.6	23	65.7
6. Thực trạng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động LKĐT	0	0	19	30.1	23	36.5	21	33.4

Bảng 3: Nhận định của đối tượng khảo sát về thực trạng quản lí hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN

Nội dung	Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Tổng số khách thể	Tổng số điểm	\bar{X}	Thứ bậc
	Số lượng %	Điểm	Số lượng %	Điểm	Số lượng %	Điểm				
1. Thực trạng nhận thức sự cần thiết phải LKĐT với DN	121	363	169	338	116	116	406	817	2.01	1
2. Thực trạng xây dựng kế hoạch LKĐT	42	126	57	114	307	307	406	547	1.35	6
3. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động LKĐT	82	246	126	252	198	198	406	696	1.71	5
4. Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch LKĐT	117	351	162	324	127	127	406	802	1.97	2
5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch LKĐT	69	207	156	312	181	181	406	700	1.72	4
6. Thực trạng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động LKĐT	75	225	196	392	135	135	406	752	1.85	3



Biểu đồ 1: Thực trạng quản lí hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN

lệ. Không chỉ đối với các trường CĐKT mà ngay các DN, nhận thức về vai trò, tác dụng của sự liên kết này cũng chưa được coi trọng trong công tác quản lí, điều hành của DN.

Do đó, cần phải tổ chức quán triệt trong CBQL, giảng viên dạy thực hành các trường CĐKT về sự cần thiết phải LKĐT với DN, thông qua việc bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, giảng viên dạy thực hành trong trường CĐKT, nhằm làm cho tất cả thành viên trong nhà trường CĐKT, từ CBQL đến giảng viên, nhân viên đều nhận thức sâu sắc về sự cần thiết của hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN. Từ đặc trưng và yêu cầu của LKĐT, tạo ra năng lực hành động tương ứng cho mỗi CBQL, giảng viên trong trường CĐKT, nhằm khắc phục mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực, bù đắp những thiếu hụt, khiếm khuyết của họ trong quá trình quản lí hoạt động LKĐT; góp phần nâng cao chất lượng phát triển nguồn nhân lực hiện nay.

b) Vấn đề đổi mới trong việc xây dựng kế hoạch LKĐT

Hiện nay, hầu hết các trường CĐKT chưa đưa hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN vào trong kế hoạch quản lí, do đó hiệu quả hoạt động này chưa có chất lượng và hiệu quả, vì các lí do sau:

Thiếu định hướng cho hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN;

CBQL, giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT và CBQL, CBKT của DN không xác định rõ được những năng lực chung và năng lực đặc thù cần hình thành ở SV trong quá trình đào tạo để đáp ứng với nhu cầu của thị trường lao động;

CBQL, giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT thiếu kĩ năng xây dựng kế hoạch hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN;

Xây dựng kế hoạch hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN là việc làm còn khá mới mẻ đối với nhiều CBQL, giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT và CBQL, CBKT của DN. Để việc xây dựng kế hoạch hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN trở nên thành thực đối với mọi CBQL, giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT và CBQL, CBKT của DN, họ cần được bồi dưỡng để có kỹ năng xây dựng kế hoạch LKĐT.

c) Vấn đề xây dựng mô hình hoạt động LKĐT gắn với nhu cầu của doanh nghiệp

Qua khảo sát, tác giả nhận thấy nguyên nhân chủ

yếu của những tồn tại trong quản lí LKĐT cấp cơ sở là các trường CĐKT chưa xác định được mô hình LKĐT gắn với nhu cầu của DN. Vì thế, cần phải xây dựng mô hình quản lí hoạt động LKĐT gắn với nhu cầu của DN để nâng cao vai trò chủ động của trường CĐKT và DN trong hoạt động LKĐT nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu DN và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Khi đã có mô hình LKĐT gắn với nhu cầu của DN, sẽ đảm bảo hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN đáp ứng được nhu cầu nhân lực của địa phương trong từng giai đoạn;

Đồng thời, tạo ra sự bình đẳng về trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của nhà trường, giữa SV và DN để hoạt động LKĐT đạt hiệu quả và phát triển bền vững.

d) Về đánh giá hoạt động liên kết đào tạo giữa trường CĐKT và DN

Hiện nay, hầu hết các trường CĐKT chưa xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá hoạt động LKĐT với những tiêu chí và chỉ số cụ thể, do đó thiếu công cụ đánh giá chính xác hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN. Nếu có bộ tiêu chuẩn đánh giá hoạt động LKĐT thì sẽ có nhiều ý nghĩa:

Giúp cho việc xây dựng kế hoạch liên kết rõ ràng, xác định mục tiêu đào tạo phù hợp yêu cầu sử dụng lao động của DN, đáp ứng nhu cầu phát triển địa phương;

Tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN thống nhất, chặt chẽ, đồng bộ;

Chất lượng và hiệu quả đào tạo được đảm bảo đúng nhu cầu;

Hiệu quả đầu tư trong đào tạo nghề, huy động mọi nguồn lực của xã hội tham gia vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực.

đ) Vấn đề bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, giảng viên dạy thực hành trường CĐKT tham gia hoạt động LKĐT

CBQL, giảng viên dạy thực hành trường CĐKT còn thiếu kiến thức, kĩ năng trong quản lí hoạt động LKĐT, bởi vì họ chưa được bồi dưỡng năng lực về hoạt động LKĐT, từ đặc trưng và yêu cầu của LKĐT, tạo ra năng lực hành động tương ứng cho mỗi CBQL, giảng viên trong trường CĐKT, nhằm khắc phục mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực, bù đắp những thiếu hụt, khiếm khuyết của họ trong quá trình quản lí hoạt động LKĐT; góp phần nâng cao chất lượng phát triển nguồn nhân lực hiện nay. Tác dụng của của việc công tác bồi dưỡng là:

- Đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN.

- Đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng của CBQL, giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT.

- Góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức về hoạt động LKĐT của đội ngũ CBQL, giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

e) Vấn đề xây dựng cơ chế tạo động lực để cán bộ quản lí, giảng viên dạy thực hành phát huy tốt vai trò của

mình trong hoạt động LKĐT

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy các trường CĐKT chưa xây dựng được cơ chế để tạo động lực thúc đẩy CBQL và giảng viên dạy thực hành của trường CĐKT phát huy tốt vai trò của mình trong hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN. CBQL và giảng viên dạy thực hành là hai lực lượng chủ yếu trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực của trường CĐKT. Chất lượng giáo dục của nhà trường cũng do hai lực lượng này quyết định. Vì thế, muốn nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nói riêng thì điều cần thiết là phải xây dựng được cơ chế, tạo động lực thúc đẩy CBQL và giảng viên dạy thực hành phát huy tốt vai trò của mình.

Ở mỗi con người đều có các động cơ tích cực và các năng lực tiềm ẩn. Khi có các yếu tố kích thích thì các động cơ tích cực và các năng lực tiềm ẩn này sẽ biến thành "sức mạnh vật chất", giúp con người có thể hoàn thành công việc của mình một cách tốt nhất.

Khi các trường CĐKT tạo động lực làm việc cho CBQL và giảng viên dạy thực hành sẽ giúp họ ý thức rõ vai trò của mình, từ đó có sự nỗ lực, cố gắng để phát huy. Chất lượng hoạt động LKĐT giữa trường CĐKT và DN như thế nào, một phần lớn phụ thuộc vào sự phát huy vai trò của CBQL và giảng viên dạy thực hành.

4. Kết luận

Thực trạng quản lý hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN hiện nay cho thấy cần phải đồng thời giải quyết tốt hơn bài toán đảm bảo nâng cao chất lượng

đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, vừa đảm bảo lợi ích cho cả nhà trường và DN. Quản lý hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN trong giai đoạn hiện nay phải có những nguyên tắc và giải pháp chung, đồng thời có những vấn đề mang tính đặc thù của mỗi trường và DN, điều kiện cụ thể của vùng miền, thời gian và các điều kiện liên quan khác.

Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN và vấn đề quản lý hoạt động này trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đã góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ và những thành tựu trong lĩnh vực LKĐT nghề, đặc biệt chỉ ra những hạn chế trong hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN trong thời gian qua. Đây là cơ sở, căn cứ khoa học quan trọng để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu xây dựng đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động LKĐT giữa các trường CĐKT và DN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2007), *Kí yếu hội thảo quốc gia "Đào tạo theo nhu cầu xã hội"*, TP. Hồ Chí Minh.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội.
- [3]. Ngô Văn Hai, (2008), *Chương trình phát triển nguồn nhân lực cho các ngành trọng yếu trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh*, Tài liệu của Sở Công thương TP. Hồ Chí Minh.
- [4]. Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, (2015), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh lần thứ X*.

THE REAL STATUS OF MANAGING JOINT TRAINING ACTIVITIES BETWEEN TECHNICAL COLLEGES AND ENTERPRISES IN HO CHI MINH CITY

Nguyen Ngoc Phuong
Ho Chi Minh city Technical College
Email: ngocphuongltd63@gmail.com

Abstract: *The paper presents the real status of managing joint training activities between technical colleges and enterprises in Ho Chi Minh city. The author analyzes the status of joint training and its management between technical colleges and enterprises in Ho Chi Minh city. According to the author, this assessment is extremely essential because it helps managers find causes of the successes, limitations and errors, then develop practical basis for measures to improve the efficiency of its management. The current management showed the need to simultaneously solve this issue and ensure enhancing quality of training human resources for the society, and to make sure for benefits to both schools and businesses.*

Keywords: *Management; joint training; technical colleges; enterprises; Ho Chi Minh city.*